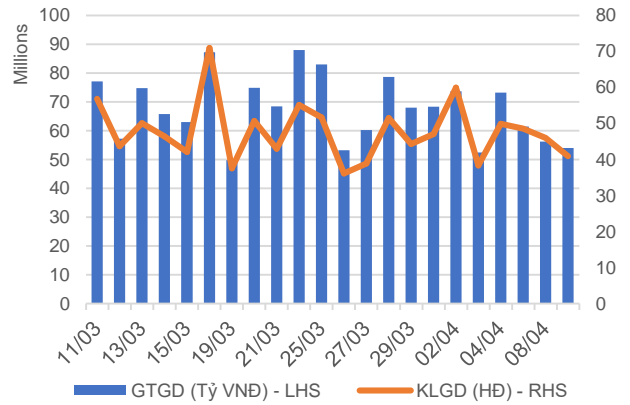
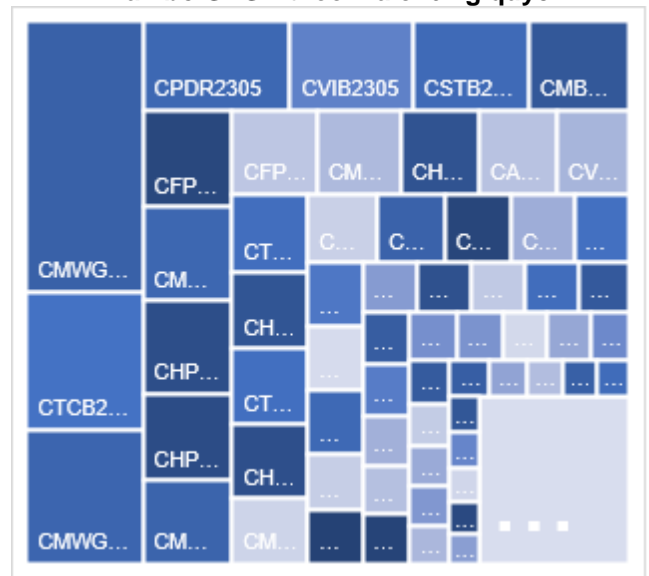


Áp lực chốt lời trên thị trường cơ sở đã hạ nhiệt trong phiên hôm nay khiến phần lớn các cổ phiếu cơ sở trong nhóm VN30 đóng cửa trong sắc xanh và kéo theo nhiều chứng quyền trên thị trường hồi phục. Thanh khoản của thị trường chứng quyền giảm nhẹ so với phiên trước và các chứng quyền của HPG, MWG và STB vẫn là những mã được giao dịch tích cực nhất. Xu hướng ngắn hạn của các cổ phiếu cơ sở đang trở nên khá tiêu cực, do vậy, chúng tôi khuyến nghị NĐT có thể tận dụng nhịp hồi của thị trường cơ sở để hạ tỷ trọng các chứng quyền đang nắm giữ.

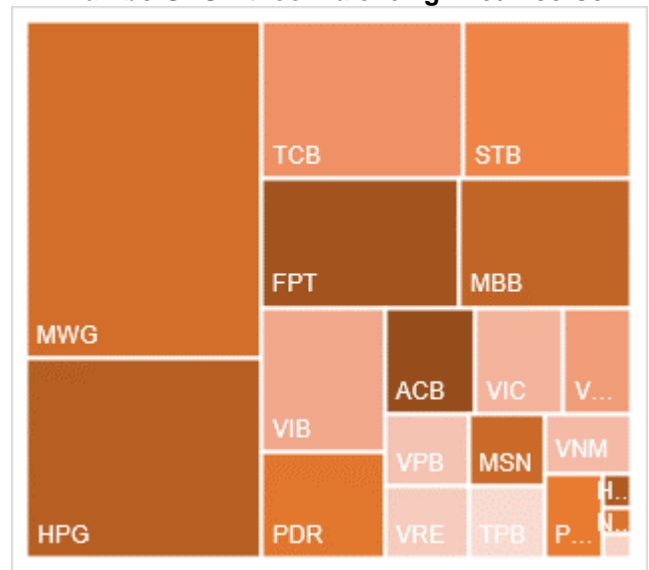
Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch



Phân bố GTGD theo mã chứng quyền



Phân bố GTGD theo mã chứng khoán cơ sở



Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2304	1.0%	2020	1,800	0.003	ITM	6.4%		169	46%
CACB2305	2.3%	900	427,300	0.379	ITM	7.7%		183	43%
CACB2306	3.2%	1950	444,200	0.853	ITM	2.0%		104	36%
CACB2307	1.5%	660	39,600	0.025	ITM	6.1%		134	38%
CACB2401	1.8%	1730	9,100	0.015	ITM	4.2%		71	43%
CFPT2305	0.4%	4650	14,200	0.065	ITM	0.2%	2.46	8	190%
CFPT2309	0.5%	4210	1,600	0.006	ITM	0.3%	3.39	27	64%
CFPT2310	0.8%	4010	75,400	0.302	ITM	2.9%	3.47	118	50%
CFPT2313	0.5%	2020	303,200	0.606	ITM	6.4%	4.57	122	47%
CFPT2314	0.8%	2670	426,500	1.136	ITM	12.1%	3.28	275	48%
CFPT2315	-1.0%	4120	100	0	ITM	0.0%	3.43	15	0%
CFPT2316	0.3%	3270	287,400	0.936	ITM	1.5%	3.41	104	42%
CFPT2317	1.3%	1550	222,800	0.348	ITM	10.0%	3.73	226	44%
CFPT2318	0.0%	2370	3,100	0.007	ITM	4.4%	5.08	97	45%
CHDB2306	1.3%	1600	81,300	0.128	ITM	4.0%	3.96	78	63%
CHPG2309	0.0%	2090	499,400	1.021	ITM	1.2%	4.66	45	52%
CHPG2315	0.0%	1680	200	0	ITM	15.4%	3.26	76	107%
CHPG2316	1.7%	1190	6,000	0.006	ITM	12.5%	4.03	167	50%
CHPG2319	1.6%	650	102,100	0.061	OTM	9.4%	6.21	78	47%
CHPG2321	2.4%	1740	633,900	1.098	ITM	-0.6%	5.73	8	0%
CHPG2322	2.7%	1540	44,900	0.067	OTM	10.6%	5.41	99	48%
CHPG2326	4.5%	700	1,089,000	0.744	ITM	1.3%	9.08	27	39%
CHPG2328	6.0%	1060	28,900	0.028	ITM	2.4%	10.37	27	41%
CHPG2329	4.5%	1630	64,400	0.103	ITM	7.9%	5.80	118	39%
CHPG2331	2.5%	820	433,700	0.351	ITM	10.1%	4.19	183	43%
CHPG2332	3.7%	850	1,019,000	0.864	ITM	12.4%	3.90	216	45%
CHPG2333	1.2%	850	904,000	0.768	ITM	14.0%	3.77	244	44%
CHPG2334	3.0%	690	217,700	0.146	ITM	17.1%	3.39	275	47%
CHPG2336	0.0%	630	34,900	0.02	ITM	2.4%	9.35	27	48%
CHPG2337	0.0%	900	-	0	ITM	11.3%	4.81	87	58%
CHPG2338	0.8%	1190	50,100	0.056	OTM	16.3%	3.66	181	54%
CHPG2339	0.0%	3470	3,100	0.01	OTM	24.3%	2.55	272	66%
CHPG2340	0.0%	1790	-	0	ITM	1.6%	5.56	15	97%
CHPG2341	3.8%	1350	171,900	0.225	OTM	9.4%	6.19	104	41%
CHPG2342	3.4%	920	441,100	0.4	ITM	11.0%	2.79	226	64%
CHPG2343	5.7%	1120	257,900	0.283	ITM	4.9%	6.43	66	44%
CHPG2401	1.6%	650	24,600	0.015	OTM	10.2%	7.02	71	44%
CMBB2306	2.7%	4240	287,400	1.187	ITM	0.7%	3.33	45	58%
CMBB2309	8.5%	1270	275,700	0.329	ITM	0.3%	4.72	27	45%
CMBB2311	5.5%	2490	2,400	0.005	ITM	-0.1%	4.81	27	0%
CMBB2312	8.2%	2630	26,200	0.066	ITM	3.2%	4.13	118	42%
CMBB2314	8.5%	1280	186,700	0.238	ITM	4.7%	4.11	122	47%
CMBB2315	5.9%	1610	215,200	0.327	ITM	10.2%	3.06	275	49%
CMBB2316	4.3%	720	175,300	0.111	ITM	5.0%	3.33	27	161%
CMBB2317	7.9%	960	714,300	0.635	ITM	3.3%	4.35	134	36%
CMBB2318	3.5%	1770	10,300	0.017	ITM	4.5%	3.18	167	51%
CMBB2401	4.2%	2230	14,800	0.032	ITM	1.9%	4.97	71	41%
CMSN2302	2.7%	1880	103,400	0.191	ITM	5.1%	5.49	45	70%
CMSN2307	5.3%	400	161,600	0.062	OTM	18.4%	4.96	78	53%
CMSN2311	6.4%	500	222,900	0.108	OTM	25.9%	4.09	118	52%
CMSN2313	8.0%	950	174,000	0.16	OTM	21.8%	3.50	183	55%
CMSN2315	0.0%	170	52,100	0.007	OTM	13.9%	5.30	27	61%
CMSN2316	7.3%	880	26,200	0.021	OTM	26.2%	3.12	181	59%
CMSN2317	3.6%	1420	132,100	0.18	OTM	33.6%	2.51	272	60%
CMWG2305	16.1%	4400	1,040,400	4.157	ITM	0.6%	3.03	45	59%
CMWG2309	72.0%	430	1,492,700	0.608	OTM	6.3%	10.79	27	48%
CMWG2310	31.9%	1200	860,500	0.981	OTM	14.6%	4.50	118	54%

CMWG2312	91.3%	440	51,800	0.013	OTM	8.6%	9.17	16	61%
CMWG2313	30.4%	1330	1,632,000	2.05	ITM	9.8%	4.43	122	52%
CMWG2314	21.6%	1070	1,087,300	1.112	ITM	18.8%	3.10	275	53%
CMWG2315	36.4%	300	231,400	0.065	ITM	4.0%	7.18	27	71%
CMWG2316	22.1%	1270	719,200	0.911	ITM	5.3%	5.06	136	35%
CMWG2317	17.4%	540	100	0	ITM	0.8%	13.00	15	34%
CMWG2318	22.0%	2050	342,200	0.646	ITM	2.8%	3.90	104	46%
CNVL2305	5.3%	1380	74,300	0.101	ITM	24.4%	2.81	78	156%
CPDR2305	2.9%	3170	576,500	1.74	ITM	2.2%		78	84%
CPOW2306	11.1%	100	86,400	0.007	OTM	43.4%		78	61%
CPOW2308	0.0%	40	1,509,800	0.058	OTM	8.0%		8	78%
CPOW2309	0.0%	50	144,000	0.004	OTM	29.2%		38	59%
CPOW2313	2.9%	350	306,000	0.096	OTM	20.2%		87	56%
CPOW2314	-1.6%	610	472,100	0.276	OTM	26.8%		181	56%
CPOW2315	-1.2%	850	264,500	0.214	OTM	34.1%		272	60%
CSHB2302	0.0%	220	91,100	0.017	OTM	11.1%		27	66%
CSHB2303	8.0%	540	74,900	0.039	OTM	19.9%		86	69%
CSHB2304	7.1%	300	80,700	0.019	OTM	17.6%		87	76%
CSHB2305	0.0%	410	5,300	0.001	OTM	30.4%		181	79%
CSHB2306	2.7%	1150	7,700	0.008	OTM	34.6%		272	71%
CSTB2306	-4.4%	860	537,100	0.451	OTM	8.8%	7.82	45	51%
CSTB2312	0.0%	240	355,500	0.081	OTM	18.5%	6.64	76	49%
CSTB2313	-4.8%	400	241,100	0.084	OTM	28.8%	4.39	167	50%
CSTB2316	6.7%	160	13,100	0.001	OTM	27.4%	5.30	78	52%
CSTB2318	-4.3%	220	225,100	0.046	OTM	12.8%	8.66	38	51%
CSTB2319	0.0%	260	283,300	0.071	ITM	0.7%	11.68	8	59%
CSTB2322	0.0%	230	6,445,000	1.376	OTM	6.1%	13.38	27	42%
CSTB2324	0.0%	200	113,900	0.022	OTM	9.1%	11.05	27	49%
CSTB2325	12.1%	740	22,600	0.015	OTM	18.2%	4.29	118	57%
CSTB2326	-11.1%	160	140,600	0.019	OTM	14.3%	5.89	16	63%
CSTB2327	8.1%	400	413,500	0.158	OTM	18.0%	5.02	122	50%
CSTB2328	4.2%	500	721,400	0.34	OTM	26.9%	3.42	275	50%
CSTB2330	0.0%	80	894,600	0.066	OTM	17.7%	6.72	27	56%
CSTB2331	-4.8%	200	310,600	0.059	OTM	23.5%	6.27	87	48%
CSTB2333	0.0%	1910	-	0	OTM	37.0%	2.79	272	58%
CSTB2334	-2.4%	1640	104,800	0.171	ITM	9.5%	4.12	136	51%
CSTB2335	-37.0%	340	100	0	OTM	9.8%	6.46	15	79%
CSTB2336	-4.5%	210	253,900	0.051	OTM	9.9%	9.87	42	46%
CSTB2337	5.0%	1050	10,800	0.011	ITM	17.8%	2.74	226	67%
CSTB2338	4.7%	900	545,800	0.458	ITM	8.7%	6.11	66	52%
CSTB2401	0.0%	450	-	0	OTM	11.0%	8.99	71	39%
CTCB2302	1.0%	6200	128,000	0.79	ITM	-0.4%	2.46	45	0%
CTCB2306	-0.3%	3480	300	0.001	ITM	0.3%	3.29	27	58%
CTCB2307	0.3%	3350	227,700	0.755	ITM	3.5%	3.26	118	57%
CTCB2309	1.7%	4210	122,200	0.508	ITM	4.0%	3.30	169	44%
CTCB2310	1.2%	1630	1,306,600	2.116	ITM	4.9%	3.17	183	48%
CTCB2311	0.0%	4570	-	0	ITM	-0.2%	3.34	15	0%
CTCB2312	1.1%	4580	11,100	0.05	ITM	1.2%	3.27	97	40%
CTCB2401	-5.6%	6420	100	0	ITM	2.3%	3.50	71	63%
CTPB2304	30.4%	300	257,800	0.051	OTM	8.0%		27	70%
CTPB2305	6.8%	470	1,300,600	0.571	OTM	14.0%		87	59%
CTPB2306	2.1%	1460	56,600	0.075	OTM	22.6%		181	63%
CTPB2401	7.5%	1000	30,800	0.029	ITM	10.2%		71	58%
CVHM2302	-2.9%	340	1,403,300	0.461	OTM	18.9%	3.78	45	59%
CVHM2307	0.0%	100	40,100	0.004	OTM	46.9%	0.55	78	65%
CVHM2311	-3.0%	320	50,300	0.016	OTM	43.8%	1.37	118	61%
CVHM2312	-14.3%	60	237,800	0.014	OTM	30.3%	0.21	27	70%
CVHM2313	2.0%	510	186,800	0.092	OTM	27.5%	2.90	183	59%
CVHM2315	0.0%	100	100,000	0.008	OTM	19.6%	1.57	27	70%
CVHM2316	0.0%	320	54,800	0.013	OTM	24.5%	3.03	87	61%
CVHM2317	2.0%	520	611,400	0.309	OTM	30.8%	2.80	181	57%
CVHM2318	0.9%	1170	11,400	0.013	OTM	37.3%	2.33	272	59%

CVHM2319	-15.0%	170	7,900	0.001	OTM	22.3%	0.09	15	103%
CVHM2401	0.8%	1260	13,500	0.016	ITM	11.2%	4.86	71	64%
CVIB2302	4.5%	2790	24,900	0.068	ITM	0.3%		45	0%
CVIB2304	3.1%	1340	252,100	0.32	ITM	6.9%		122	59%
CVIB2305	10.7%	830	1,850,500	1.446	ITM	13.8%		275	47%
CVIB2306	-0.3%	3810	81,000	0.307	ITM	3.8%		136	59%
CVIB2307	2.5%	1250	110,600	0.134	ITM	12.8%		134	70%
CVIB2401	28.7%	2200	55,700	0.095	ITM	7.1%		71	70%
CVIC2306	0.0%	430	-	0	OTM	37.7%	0.56	78	88%
CVIC2308	-4.1%	470	294,200	0.137	OTM	14.7%	4.73	122	49%
CVIC2309	-5.4%	530	450,800	0.24	OTM	20.1%	3.88	183	49%
CVIC2312	-2.6%	370	233,100	0.083	OTM	17.5%	4.11	87	58%
CVIC2313	-4.7%	610	1,325,400	0.792	OTM	24.9%	2.96	181	59%
CVIC2314	-3.2%	1830	1,300	0.002	OTM	33.6%	2.12	272	68%
CVNM2306	-4.7%	410	191,500	0.078	OTM	12.8%	6.20	78	45%
CVNM2308	-5.0%	380	36,400	0.014	OTM	5.4%	10.89	27	46%
CVNM2310	-2.9%	330	985,500	0.295	OTM	21.8%	4.73	122	44%
CVNM2311	3.3%	630	142,700	0.088	OTM	26.2%	3.98	275	40%
CVNM2313	-16.7%	50	31,000	0.001	OTM	23.6%	0.49	27	61%
CVNM2314	-9.5%	570	360,100	0.198	OTM	33.8%	2.59	181	51%
CVNM2315	0.0%	2000	-	0	OTM	#####	0.00	272	500%
CVNM2316	-14.5%	650	10,300	0.007	ITM	4.6%	8.76	15	91%
CVPB2305	0.0%	750	383,200	0.292	ITM	-0.2%	8.92	8	0%
CVPB2309	-12.5%	70	396,200	0.027	OTM	12.2%	13.74	27	46%
CVPB2311	8.7%	500	106,100	0.052	OTM	5.9%	10.09	27	51%
CVPB2312	4.7%	900	10,800	0.009	OTM	12.3%	5.82	118	43%
CVPB2314	0.0%	230	100,000	0.022	OTM	22.8%	6.71	122	44%
CVPB2315	3.2%	320	663,500	0.206	OTM	30.1%	4.29	275	44%
CVPB2316	-10.0%	90	124,600	0.008	OTM	17.8%	4.36	27	70%
CVPB2317	4.5%	230	110,000	0.025	OTM	22.7%	5.51	87	53%
CVPB2318	2.3%	450	172,000	0.077	OTM	29.9%	3.76	181	54%
CVPB2319	0.0%	1500	-	0	OTM	38.5%	2.54	272	63%
CVPB2320	0.0%	220	-	0	OTM	11.6%	5.17	15	84%
CVPB2321	-2.1%	470	110,600	0.052	ITM	10.0%	4.04	134	53%
CVPB2322	0.0%	530	75,600	0.04	OTM	14.3%	4.93	167	43%
CVRE2303	-1.8%	540	653,000	0.355	OTM	10.0%	6.70	45	58%
CVRE2308	7.1%	300	85,100	0.025	OTM	35.7%	1.60	78	81%
CVRE2312	37.5%	110	40,200	0.003	OTM	15.5%	6.55	27	59%
CVRE2313	11.8%	380	226,400	0.075	OTM	28.2%	3.79	118	58%
CVRE2315	3.6%	290	256,200	0.071	OTM	33.6%	3.06	183	59%
CVRE2317	100.0%	40	439,900	0.013	OTM	24.6%	2.80	27	61%
CVRE2318	-4.2%	230	191,200	0.036	OTM	31.9%	3.33	87	60%
CVRE2319	5.4%	390	312,000	0.103	OTM	37.8%	3.45	181	54%
CVRE2320	5.8%	1450	18,100	0.024	OTM	45.6%	2.35	272	61%
CVRE2321	5.9%	180	900	0	OTM	22.8%	0.30	15	119%
CVRE2322	6.7%	1120	16,500	0.017	ITM	13.1%	4.20	104	62%
CVRE2323	10.8%	720	93,800	0.065	OTM	11.4%	5.55	66	58%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
 Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
 Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
 Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

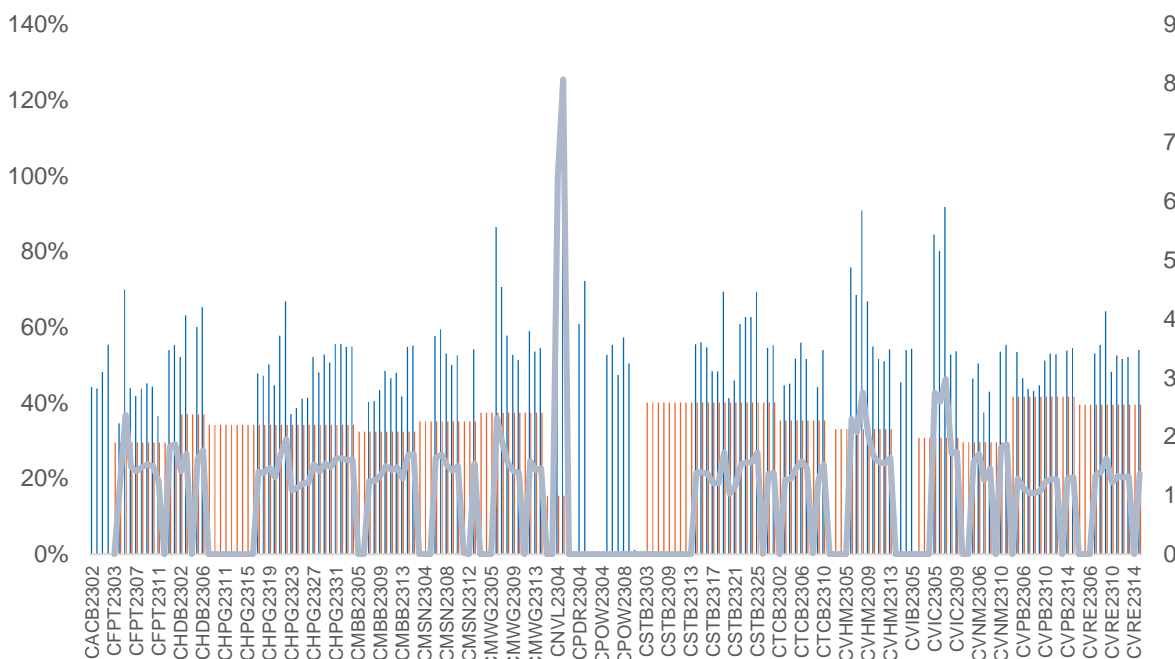


BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	Upside ngắn hạn so với giá hiện tại	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		71.50	GIẢM	TĂNG			74.40	-
DPM		35.15	GIẢM	TĂNG			36.60	-
FPT	99.90	113.00	TĂNG	TĂNG	111.89	-1%	112.00	(0.99)
HDB	23.90	23.95	TĂNG	TĂNG	25.77	8%	23.03	2.14
HPG		29.90	GIẢM	TĂNG			30.64	-
MBB		24.00	GIẢM	TĂNG			24.73	-
MSN		73.50	GIẢM	TĂNG			76.41	-
MWG	49.10	52.80	TĂNG	TĂNG	55.64	5%	48.26	7.80
NVL	17.10	18.10	TĂNG	TĂNG	19.47	8%	17.24	(16.76)
PNJ		97.00	GIẢM	TĂNG			100.63	-
REE	58.30	62.80	TĂNG	TĂNG	66.51	6%	61.56	(2.52)
STB		29.15	GIẢM	TĂNG			30.47	-
TCB	42.30	45.80	TĂNG	TĂNG	45.77	0%	44.97	(1.30)
VHM		43.20	GIẢM	GIẢM			44.14	-
VIC	47.00	47.70	TĂNG	TĂNG	53.39	12%	45.83	5.44
VJC		102.20	GIẢM	TĂNG			104.08	-
VNM		67.00	GIẢM	GIẢM			68.82	-
VPB	19.60	19.35	TĂNG	GIẢM	22.90	18%	18.79	4.08
VRE		24.20	GIẢM	TĂNG			25.62	-

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẪM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS



Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngầm định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	#N/A	8	2,800	#N/A	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	#N/A	3	2,300	#N/A	28,000	12/06/2024
CHPG2401	VCI	#N/A	3	1,150	#N/A	31,000	17/06/2024
CMBB2306	ACBS	12 tháng	1.6965	1,800	15,000,000	16,965	22/05/2024
CMBB2309	SSI	9 tháng	4	1,000	35,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2311	HCM	9 tháng	2	1,700	7,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2312	HCM	12 tháng	2	1,900	7,000,000	19,500	02/08/2024
CMBB2314	SSI	10 tháng	4	1,100	23,000,000	20,000	07/08/2024
CMBB2315	SSI	16 tháng	4	1,300	20,000,000	20,000	07/01/2025
CMBB2316	KISVN	7 tháng	10	1,000	1,700,000	17,999	02/05/2024
CMBB2317	VND	9 tháng	5	1,300	10,000,000	20,000	19/08/2024
CMBB2318	VND	10 tháng	4	2,500	5,000,000	18,000	19/09/2024
CMBB2401	VCI	#N/A	2	1,060	#N/A	20,000	17/06/2024
CMSN2302	ACBS	12 tháng	6	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2307	KISVN	12 tháng	10	1,400	2,000,000	82,999	24/06/2024
CMSN2311	HCM	12 tháng	8	2,400	5,000,000	88,500	02/08/2024
CMSN2313	SSI	12 tháng	10	1,900	10,000,000	80,000	07/10/2024
CMSN2315	KISVN	7 tháng	10	1,200	3,000,000	81,999	02/05/2024
CMSN2316	KISVN	12 tháng	10	2,000	3,000,000	83,979	03/10/2024
CMSN2317	KISVN	15 tháng	8	2,900	2,000,000	86,868	02/01/2025
CMWG2305	ACBS	12 tháng	3.962	2,000	9,000,000	35,658	22/05/2024
CMWG2309	HCM	9 tháng	5	2,000	5,000,000	54,000	03/05/2024
CMWG2310	HCM	12 tháng	5	2,400	5,000,000	54,500	02/08/2024
CMWG2312	BSI	7 tháng	3	3,160	3,500,000	56,000	23/04/2024
CMWG2313	SSI	10 tháng	6	2,000	12,000,000	50,000	07/08/2024
CMWG2314	SSI	16 tháng	10	1,400	20,000,000	52,000	07/01/2025
CMWG2315	KISVN	7 tháng	20	1,000	1,300,000	48,888	02/05/2024
CMWG2316	ACBS	11 tháng	6	1,400	10,000,000	48,000	21/08/2024

CMWG2317	MBS	6 tháng	6	1,300	2,000,000	50,000	22/04/2024
CMWG2318	VND	8 tháng	6	3,000	5,000,000	42,000	18/07/2024
CNVL2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	16,999	24/06/2024
CPDR2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	20,222	24/06/2024
CPOW2306	KISVN	12 tháng	2	1,400	2,000,000	15,999	24/06/2024
CPOW2308	VND	10 tháng	5	1,300	10,000,000	12,000	15/04/2024
CPOW2309	VND	11 tháng	2	2,000	5,000,000	14,500	15/05/2024
CPOW2313	KISVN	9 tháng	2	1,300	3,000,000	12,888	03/07/2024
CPOW2314	KISVN	12 tháng	2	1,600	3,000,000	13,111	03/10/2024
CPOW2315	KISVN	15 tháng	2	1,800	3,000,000	13,456	02/01/2025
CSHB2302	KISVN	7 tháng	2	1,000	8,000,000	11,999	02/05/2024
CSHB2303	KISVN	9 tháng	2	1,100	8,000,000	12,345	02/07/2024
CSHB2304	KISVN	9 tháng	5	1,000	3,000,000	11,666	03/07/2024
CSHB2305	KISVN	12 tháng	5	1,000	3,000,000	12,555	03/10/2024
CSHB2306	KISVN	15 tháng	2	2,000	2,000,000	12,777	02/01/2025
CSTB2306	ACBS	12 tháng	2	2,600	19,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2312	KISVN	12 tháng	5	1,400	3,000,000	33,333	21/06/2024
CSTB2313	KISVN	16 tháng	5	1,500	3,000,000	35,555	20/09/2024
CSTB2316	KISVN	12 tháng	5	1,300	3,000,000	36,333	24/06/2024
CSTB2318	VND	11 tháng	4	2,000	6,000,000	32,000	15/05/2024
CSTB2319	VND	10 tháng	9	1,400	10,000,000	27,000	15/04/2024
CSTB2322	SSI	9 tháng	4	1,400	70,000,000	30,000	03/05/2024
CSTB2324	HCM	9 tháng	4	1,200	10,000,000	31,000	03/05/2024
CSTB2325	HCM	12 tháng	4	1,400	10,000,000	31,500	02/08/2024
CSTB2326	BSI	7 tháng	2	2,920	3,500,000	33,000	23/04/2024
CSTB2327	SSI	10 tháng	6	1,200	23,000,000	32,000	07/08/2024
CSTB2328	SSI	16 tháng	8	1,100	25,000,000	33,000	07/01/2025
CSTB2330	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	33,999	02/05/2024
CSTB2331	KISVN	9 tháng	5	1,100	4,000,000	34,999	03/07/2024
CSTB2333	KISVN	15 tháng	2	4,600	3,000,000	36,111	02/01/2025
CSTB2334	ACBS	11 tháng	3	2,700	8,000,000	27,000	21/08/2024
CSTB2335	MBS	6 tháng	3	2,200	3,000,000	31,000	22/04/2024
CSTB2336	VND	6 tháng	5	2,000	5,000,000	31,000	17/05/2024
CSTB2337	VND	12 tháng	7	2,000	10,000,000	27,000	19/11/2024
CSTB2338	CK VPBank	#N/A	3	2,100	#N/A	29,000	12/06/2024
CSTB2401	VCI	#N/A	3	1,150	#N/A	31,000	17/06/2024
CTCB2302	ACBS	12 tháng	3	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTCB2306	HCM	9 tháng	4	1,900	7,000,000	32,000	03/05/2024
CTCB2307	HCM	12 tháng	4	2,000	7,000,000	34,000	02/08/2024
CTCB2309	BSI	12 tháng	3	2,310	2,000,000	35,000	23/09/2024
CTCB2310	SSI	12 tháng	8	1,000	23,000,000	35,000	07/10/2024
CTCB2311	MBS	6 tháng	3	2,300	3,000,000	32,000	22/04/2024
CTCB2312	CK VPBank	#N/A	3	2,500	#N/A	32,600	11/07/2024
CTCB2401	VCI	#N/A	2	1,800	#N/A	34,000	17/06/2024
CTPB2304	KISVN	7 tháng	4	1,000	2,500,000	18,888	02/05/2024
CTPB2305	KISVN	9 tháng	4	1,100	3,000,000	19,333	03/07/2024
CTPB2306	KISVN	12 tháng	2	2,500	2,000,000	19,888	03/10/2024
CTPB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	18,500	17/06/2024
CVHM2302	ACBS	12 tháng	4	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVHM2307	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,666	24/06/2024
CVHM2311	HCM	12 tháng	5	2,800	7,000,000	60,500	02/08/2024
CVHM2312	HCM	9 tháng	5	2,800	7,000,000	56,000	03/05/2024
CVHM2313	SSI	12 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/10/2024
CVHM2315	KISVN	7 tháng	8	1,100	3,000,000	50,888	02/05/2024
CVHM2316	KISVN	9 tháng	8	1,300	3,000,000	51,234	03/07/2024
CVHM2317	KISVN	12 tháng	8	1,500	3,000,000	52,345	03/10/2024
CVHM2318	KISVN	15 tháng	5	2,800	3,000,000	53,456	02/01/2025
CVHM2319	MBS	6 tháng	5	1,600	2,000,000	52,000	22/04/2024
CVHM2401	VCI	#N/A	4	1,100	#N/A	43,000	17/06/2024
CVIB2302	ACBS	12 tháng	1.6185	2,000	9,000,000	18,613	22/05/2024
CVIB2304	SSI	10 tháng	3.8879	1,100	20,000,000	19,439	07/08/2024
CVIB2305	SSI	16 tháng	5.8318	1,000	25,000,000	21,383	07/01/2025
CVIB2306	ACBS	11 tháng	1.9439	2,400	7,000,000	16,523	21/08/2024
CVIB2307	VND	9 tháng	4	2,000	5,000,000	21,000	19/08/2024
CVIB2401	VCI	#N/A	1.9439	1,150	#N/A	20,411	17/06/2024
CVIC2306	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,222	24/06/2024

CVIC2308	SSI	10 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/08/2024
CVIC2309	SSI	12 tháng	10	1,100	15,000,000	52,000	07/10/2024
CVIC2312	KISVN	9 tháng	10	1,100	4,000,000	52,345	03/07/2024
CVIC2313	KISVN	12 tháng	10	1,300	4,000,000	53,456	04/10/2024
CVIC2314	KISVN	15 tháng	5	2,900	3,000,000	54,567	02/01/2025
CVNM2306	KISVN	12 tháng	9.4907	1,300	2,000,000	71,707	24/06/2024
CVNM2308	HCM	9 tháng	7.8398	1,800	5,000,000	67,619	03/05/2024
CVNM2310	SSI	10 tháng	9.7998	1,700	14,000,000	78,398	07/08/2024
CVNM2311	SSI	16 tháng	9.7998	2,200	12,000,000	78,398	07/01/2025
CVNM2313	KISVN	7 tháng	9.7998	1,100	3,000,000	82,298	02/05/2024
CVNM2314	KISVN	12 tháng	7.8398	1,600	3,000,000	85,148	03/10/2024
CVNM2315	KISVN	15 tháng	39199	4,400	3,000,000	87,108	02/01/2025
CVNM2316	MBS	6 tháng	9.7998	1,700	3,000,000	63,698	22/04/2024
CVPB2305	VND	10 tháng	2.8595	2,900	10,000,000	17,157	15/04/2024
CVPB2309	SSI	9 tháng	3.8126	1,100	35,000,000	21,446	03/05/2024
CVPB2311	HCM	9 tháng	1.9063	2,500	7,000,000	19,540	03/05/2024
CVPB2312	HCM	12 tháng	1.9063	2,700	7,000,000	20,016	02/08/2024
CVPB2314	SSI	10 tháng	3.8126	1,100	20,000,000	22,876	07/08/2024
CVPB2315	SSI	16 tháng	5.719	1,000	25,000,000	23,352	07/01/2025
CVPB2316	KISVN	7 tháng	4.7658	1,000	3,000,000	22,357	02/05/2024
CVPB2317	KISVN	9 tháng	3.8126	1,100	2,000,000	22,875	03/07/2024
CVPB2318	KISVN	12 tháng	3.8126	1,300	2,000,000	23,416	03/10/2024
CVPB2319	KISVN	15 tháng	1.9063	3,100	2,000,000	23,946	02/01/2025
CVPB2320	MBS	6 tháng	2.8595	1,500	3,000,000	20,970	22/04/2024
CVPB2321	VND	9 tháng	7	1,200	10,000,000	18,000	19/08/2024
CVPB2322	VND	10 tháng	4	2,000	5,000,000	20,000	19/09/2024
CVRE2303	ACBS	12 tháng	3	2,500	3,900,000	25,000	22/05/2024
CVRE2308	KISVN	12 tháng	5	1,300	2,000,000	31,333	24/06/2024
CVRE2312	HCM	9 tháng	4	1,600	5,000,000	27,500	03/05/2024
CVRE2313	HCM	12 tháng	4	1,600	5,000,000	29,500	02/08/2024
CVRE2315	SSI	12 tháng	8	1,000	25,000,000	30,000	07/10/2024
CVRE2317	KISVN	7 tháng	4	1,100	3,000,000	29,999	02/05/2024
CVRE2318	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	30,999	03/07/2024
CVRE2319	KISVN	12 tháng	4	1,600	3,000,000	31,777	03/10/2024
CVRE2320	KISVN	15 tháng	2	3,500	3,000,000	32,333	02/01/2025
CVRE2321	MBS	6 tháng	4	1,200	2,000,000	29,000	22/04/2024
CVRE2322	VND	8 tháng	3	3,000	5,000,000	24,000	18/07/2024
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	#N/A	2	1,000	#N/A	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	#N/A	8	2,800	#N/A	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024

CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	#N/A	3	2,300	#N/A	28,000	12/06/2024

Nguồn: FiinPro, YSVN

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written.